

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẤP VÒ
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 22- 5- 2018

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Kim Linh.

2. Bà Võ Kim Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Pha, Thư ký Tòa án nhân dân huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 22 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện LV xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2018 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Nhựt T, sinh năm 1984; địa chỉ: Số 295 ấp VBA, xã VT, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Võ Thị Mỹ T1, sinh năm 1983; địa chỉ: Số 295 ấp VBA, xã VT, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26 tháng 3 năm 2018 và trong quá trình xét xử, anh Trần Nhựt T trình bày là anh T và chị Võ Thị Mỹ T1 tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau như vợ chồng vào tháng 01/2015, đến tháng 5/2015 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã VT, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận kết hôn số 054. Sau khi cưới, vợ chồng anh T hạnh phúc khoảng 06 tháng thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do hàng tháng anh T gửi tiền sinh hoạt về cho cha mẹ anh T, chị T1 không đồng ý nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, chị T1 phàn nàn với anh T về cách xử sự của cha mẹ anh T đối với chị T1, nhưng vợ chồng vẫn sống chung. Khoảng thời gian từ tháng 7/2016 đến tháng 3/2017, chị T1 một mình đến Thành phố Hồ Chí Minh, Côn Đảo làm việc, nhưng vợ chồng vẫn liên lạc thường xuyên và chung sống với nhau. Vào tháng 4/2017, khi chị T1 trở lại Côn Đảo làm việc thì vợ

chồng anh T đã xa nhau đến tháng 3/2018. Tại phiên tòa, anh T thừa nhận vào tháng 3/2018, khi anh T nộp đơn khởi kiện xin ly hôn thì chị T1 có về nhà cha mẹ ruột anh T sinh sống khoảng 05 tuần và trong khoảng thời gian này vợ chồng anh T, chị T1 có trở lại sống chung và nhiều lần quan hệ sinh lý với nhau. Từ ngày 02/5/2018, chị T1 đến nhà trọ anh T thuê trước đó sống chung với anh T và vợ chồng chung sống đến nay. Anh T nhận thấy vẫn còn tình cảm với chị T1 nhưng ít nên anh T yêu cầu xin ly hôn chị T1 để sau khi ly hôn giữa anh T và chị T1 vẫn còn giữ lại tình cảm với nhau. Về nuôi con chung: Anh T và chị T1 không có con chung. Về chia tài sản: Anh T và chị T1 không có tài sản chung. Về nợ chung: Không có.

Chị Võ Thị Mỹ T1 thống nhất với lời trình bày của anh Trần Nhật T về thời gian cưới, thời gian vợ chồng chung sống và việc đăng ký kết hôn. Chị T1 cho rằng sau khi cưới vợ chồng chị T1 sống hạnh phúc không phải 06 tháng như anh T trình bày, chị T1 thừa nhận vợ chồng có cãi vã nhưng xong là bỏ qua và vợ chồng vẫn chung sống hạnh phúc. Chị T1 không có ý kiến gì về việc hàng tháng anh T gửi tiền sinh hoạt về cho cha mẹ anh T, tuy nhiên có 01 tháng chị T1 bị sảy thai, bị tai nạn giao thông, vợ chồng không có tiền nên chị T1 phải bán nhẫn cưới, do vậy chị T1 nói anh T đừng gửi tiền sinh hoạt về cho cha mẹ thì giữa vợ chồng cãi vã nhau, song vợ chồng vẫn sống chung. Chị T1 có đi làm việc ở Thành phố Hồ Chí Minh, Côn Đảo và vợ chồng có xa nhau từ tháng 4/2017 đến tháng 3/2018 như anh T trình bày, nhưng vẫn liên lạc với nhau qua điện thoại. Nguyên nhân vợ chồng chị T1 xa nhau khoảng 01 năm là vì vào tháng 4/2017 bà ngoại của chị T1 chết, khi đó chị T1 đang ở Côn Đảo nên không về ngay được, chị T1 buồn và không muốn gặp anh T do nghĩ rằng từ việc anh T đề nghị chị T1 đi làm việc xa, nên chị T1 không gặp được mặt ngoại lần cuối. Đến tháng 3/2018 chị T1 về, vợ chồng có thỏa thuận ly hôn và khi anh T đến Tòa án nộp đơn khởi kiện thì chị T1 có đi cùng. Tuy nhiên sau khi anh T nộp đơn khởi kiện, chị T1 nhận thấy vẫn còn tình cảm với anh T và nhìn nhận có lỗi với anh T vì trước đó do cố chấp dẫn đến việc vợ chồng phải xa nhau gần 01 năm, nên vợ chồng chị T1 đã về nhà cha mẹ anh T sinh sống khoảng 05 tuần và vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau, chị T1 nhiều lần thuyết phục anh T rút lại đơn khởi kiện, nhưng anh T quyết định xin ly hôn. Nay chị T1 không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh T vì còn tình cảm với anh T, chị T1 mong muốn vợ chồng đoàn tụ gia đình. Hiện nay chị T1 đã xin nghỉ việc ở Côn Đảo và đến nhà trọ nơi anh T thuê để chung sống với anh T. Về nuôi con chung: Chị T1 và anh T không có con chung. Về chia tài sản: Không có. Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc anh Trần Nhật T khởi kiện ly hôn chị Võ Thị Mỹ T1 là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa anh T và chị T1 thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện, quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị T1 có địa chỉ cư trú tại số 295 ấp VBA, xã VT, huyện LV, tỉnh

Đồng Tháp nên Tòa án nhân dân huyện LV thụ lý và giải quyết vụ án dân sự trên là đúng quy định là đúng quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân:

Ngày 07/5/2015 anh T và chị T1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VT, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp đã tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, nên được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Sau khoảng một năm chung sống, tuy có những bất hòa trong cuộc sống hôn nhân, có cãi vã nhau, nhưng vợ chồng vẫn thông cảm và chung sống hạnh phúc. Sau đó từ việc thiếu sự chia sẻ, thông cảm nhau trong thực hiện các công việc trong gia đình, ngoài xã hội, một phần cũng vì điều kiện kinh tế gia đình nên ảnh hưởng đến hạnh phúc của vợ chồng anh T và chị T1. Nhưng không vì thế mà vợ chồng xa nhau, mà vợ chồng vẫn cùng nhau chia sẻ, gánh vác trách nhiệm với nhau. Sau đó chỉ vì hờn dỗi nhau trong cuộc sống, chị T1 một mình đến Côn Đảo làm việc và ở Côn Đảo từ tháng 4/2017 đến tháng 3/2018 mới về gặp anh T và cũng từ nguyên nhân này vợ chồng thống nhất ly hôn. Tuy nhiên sau khi anh T nộp đơn khởi kiện thì chị T1 cho rằng chị T1 vẫn còn thương anh T nên vợ chồng tiếp tục chung sống với nhau, chị T1 nhiều lần thuyết phục anh T rút lại đơn khởi kiện để vợ chồng đoàn tụ gia đình, nhưng anh T không đồng ý. Nay anh T yêu cầu xin ly hôn chị T1, chị T1 không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh T.

Tại phiên tòa, anh T và chị T1 đều thống nhất từ cuối tháng 3/2018 chị T1 và anh T có về nhà cha mẹ ruột anh T sinh sống khoảng 05 tuần, vợ chồng trở lại sống chung, nhiều lần quan hệ sinh lý với nhau và từ ngày 02/5/2018 đến nay chị T1 và anh T chung sống với nhau tại nhà trọ anh T thuê trước đó. Từ đó cho thấy hôn nhân giữa anh T và chị T1 chưa đến mức trầm trọng theo quy định của pháp luật hôn nhân gia đình, có khả năng đoàn tụ gia đình. Mặc dù trong thời kỳ hôn nhân, chị T1 có vi phạm tình nghĩa vợ chồng quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình, đó là vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc nhau, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, nhưng không làm cho hôn nhân giữa anh T và chị T1 lâm vào tình trạng trầm trọng. Mà cụ thể sau khoảng thời gian xa nhau, vợ chồng anh T, chị T1 vẫn quay về bên nhau và tiếp tục chung sống với nhau. Anh T không có chứng cứ chứng minh hôn nhân giữa anh T và chị T1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do vậy việc anh T yêu cầu xin ly hôn chị T1 là chưa có căn cứ nên không được Tòa án chấp nhận, mà cần bác yêu cầu của anh Trần Nhật T xin ly hôn chị Võ Thị Mỹ T1 là đúng quy định của pháp luật.

[3] Do bác yêu cầu của anh T xin ly hôn chị T1 nên Tòa án không xem xét về nuôi con chung, về chia tài sản giữa anh T và chị T1.

[4] Về nợ chung: Không có.

[5] Về án phí: Anh T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Bác yêu cầu của anh Trần Nhật T xin ly hôn chị Võ Thị Mỹ T1.
2. Về nuôi con chung: Tòa án không xem xét.
3. Về chia tài sản: Tòa án không xem xét.
4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Anh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn; nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001450 ngày 05 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LV, tỉnh Đồng Tháp. Anh T đã nộp đủ án phí.

6. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

7. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND Huyện;
- CCTHADS Huyện;
- UBND xã VT;
- Các đ/s;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Thúy Hằng